

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HS-ST
Ngày: 25/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thanh Yên – Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Ông Trần Văn Lợi – Hiệu trưởng Trường Tiểu học Sơn Hải, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Đại Phát - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận và Điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 42/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

LÊ NGUYỄN SỸ TH (Tên gọi khác: B), sinh ngày 23 tháng 11 năm 2007 (Đến ngày phạm tội thì bị cáo 16 tuổi 04 tháng 07 ngày) tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T 2B, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sỹ Tr và bà Lê Thị Ý A; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tạm giữ từ ngày 11/4/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B): Chị Lê Thị Ý A, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp T 2B, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B): Ông Ngô Văn Ph – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Bị hại: Cháu Phạm Thị Ánh L, sinh ngày: 28/7/2011; nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

- Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Thị Ánh L: Anh Phạm Văn Nh, sinh năm 1988 và chị Trương Thị H, sinh năm 1990; cùng nơi cư trú: Thôn Lạc Sơn 1, xã Cà Ná, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại cháu Phạm Thị Ánh L: Bà Hoàng Thị Thanh Th – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Xuân Ph, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Khu phố 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng: Cháu Trần Thiên H, sinh ngày: 31/3/2010; nơi cư trú: Tổ 1, Khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Trần Thiên H: Anh Trần Thanh Ph, sinh năm 1989 và bà Lý Thị Mỹ H, sinh năm 1988; cùng nơi cư trú: Tổ 1, Khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Nguyễn Sỹ Th (tên gọi khác: B), sinh ngày 23/11/2007 và Trần Thiên H, sinh ngày 31/3/2010, trú tại Tổ 1, Khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có quan hệ bạn bè với nhau.

Sáng ngày 30/3/2024, Trần Thiên H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 72K7-8748 chở Lê Nguyễn Sỹ Th đi từ thành phố T, tỉnh Bình Thuận đến thành phố P, tỉnh Ninh Thuận làm nghề xiếc lửa. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến Quốc lộ 1A thuộc thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận, Lê Nguyễn Sỹ Th thấy cháu Phạm Thị Ánh L, sinh ngày 28/7/2011, trú tại thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận đang chạy xe đạp điện cùng chiều, bên hông ba lô của cháu L có 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng nên Th nảy sinh ý định giật điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài. Th rủ H chạy lên đứng đợi để giật, H đồng ý. Khoảng 02 phút sau, cháu L chạy xe đạp điện vượt lên, H điều khiển xe mô tô chạy vượt lên bên phải, áp sát xe của cháu L, Th dùng tay phải giật điện thoại trong ba lô của cháu L. H tăng ga xe bỏ chạy về hướng thành phố P để tìm chỗ bán. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Th và H đến tiệm điện thoại

di động Đ, gặp anh Nguyễn Xuân Ph, sinh năm 1990, trú tại khu phố 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (chủ tiệm điện thoại), Th nói đây là điện thoại của người yêu, do quên mật khẩu và icloud nên bán xác điện thoại, anh Ph đồng ý mua với giá 900.000 đồng. Th và H đã tiêu xài hết số tiền nêu trên. Ngày 10/4/2024, Th điều khiển xe chở H đi đến thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận thì bị Công an huyện T tuần tra yêu cầu dừng xe để kiểm tra hành chính, cả hai không xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy đăng ký xe nên Công an huyện T mời về trụ sở để làm việc. Tại Công an huyện T, Lê Nguyễn Sỹ Th, Trần Thiên H tự khai nhận việc cướp giật điện thoại di động của cháu L vào trưa ngày 30/3/2024.

Ngày 17/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T yêu cầu định giá tài sản đối với điện thoại di động hiệu Iphone XS bị chiếm đoạt. Kết luận định giá tài sản số 10, ngày 04/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị của 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS là 5.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 36/CT-VKSTN ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T giữ quyền công tố luận tội: Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm r, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) phạm tội “Cướp giật tài sản”, với mức án từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) trình bày lời bào chữa: Đồng ý với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, điểm r khoản 1 điều 51 BLHS, điều 54; điều 91, điều 101 của Bộ luật hình sự: Quyết định tuyên phạt bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th ở mức thấp hơn khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị, để bị cáo sớm trở về với gia đình, hoà nhập cộng đồng, xã hội để làm ăn sinh sống trở thành người công dân có ích cho xã hội, người con hiếu thảo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cháu Phạm Thị Ánh L trình bày ý kiến: Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn

đúng người và đúng tội. Hành vi của bị cáo Th là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã bất chấp và xem thường luật pháp, đã xâm phạm đến tài sản cá nhân của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi đó không chỉ gây bức xúc cho chính người bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự địa phương. Vì vậy, hành vi cướp giật tài sản của bị cáo Th gây ra phải có hình phạt thật nghiêm khắc và cần phải thông tin tuyên truyền sâu rộng nhằm mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa loại tội phạm chung cho toàn xã hội.

Lời nói sau cùng: Tại phiên tòa, bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Ngày 30 tháng 3 năm 2024 tại thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) cùng với Trần Thiên H đã dung thủ đoạn nguy hiểm để cướp giật của cháu Phạm Thị Ánh L, sinh ngày 28/7/2011 (12 tuổi 08 tháng 02 ngày) đang chạy xe đạp điện cùng chiều 01 (Một) điện thoại hiệu Iphone XS để trong ba lô, có giá trị là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) (Theo Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐDGTS ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T) rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Xét thấy hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự thú (tự khai báo về hành vi phạm tội trước khi bị phát hiện); thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) được xác định là người chưa thành niên quy định tại Điều 91 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Qua xem xét hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Nhằm đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương và tuyên truyền pháp luật nên phải xử phạt thật nghiêm đối với loại tội phạm này. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với quy định tại Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại cháu Phạm Thị Ánh L đã nhận lại tài sản bị cướp giật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân Ph không yêu cầu bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) bồi thường. Ngoài ra, cháu L và anh Ph không có yêu cầu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) tài sản không sử dụng vào mục đích phạm tội, gồm: 01 (Một) mũ bảo hiểm loại 1/2 đầu, màu trắng, có kính đeo phía trước; 01 (Một) mũ bảo hiểm loại 1/2 đầu, màu trắng, kiểu dáng nón Sơn là phù hợp với quy định tại Điều 46 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Riêng 01 xe mô tô gắn biển kiểm soát 72K7-8748 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xác minh nguồn gốc, chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả nên tách để tiếp tục điều tra, xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Đối với Trần Thiên H có hành vi cùng với bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) cướp giật tài sản của cháu L. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội, H 13 tuổi 11 tháng 28 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xử lý hình sự, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Đối với anh Nguyễn Xuân Ph có mua 01 (Một) điện thoại di động của bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B). Tuy nhiên, anh Ph không biết rõ đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Ph là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) khai nhận cùng với Trần Thiên H thực hiện 01 (Một) lần cướp giật tài sản tại tỉnh Phú Yên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành xác minh nhưng không xác định được bị hại, thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội nên tách, phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên tiếp tục xác minh làm rõ nên không xem xét trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11/4/2024.

Căn cứ Điều 46 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) 01 (Một) mũ bảo hiểm loại 1/2 đầu, màu trắng, có kính đeo phía trước; 01 (Một) mũ bảo hiểm loại 1/2 đầu, màu trắng, kiểu dáng nón Sơn (Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Nguyễn Sỹ Th (Tên gọi khác: B) phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/9/2024). Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện T;
- CQĐT CA huyện T;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CA huyện T;
- CC T.H.A dân sự huyện T;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Bị cáo, ĐD hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích HP của bị hại;
- Bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, tập bản án.

Ngô Văn Tiến